

Bản án số: 38/2020/HS-ST
Ngày: 31-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hòa Bình và ông Phan Đình Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2020/TLST HS ngày 17/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HS ngày 17/12/2020 đối với các bị cáo:

1. **Huỳnh Thị L**, sinh năm 1982 tại Đ, Gia Lai; nơi cư trú: Thôn 01, xã N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông L1 và bà L2; chồng là Ngô Hồng Tuấn và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 05/9/2020 đến 11/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. **Nguyễn Thị C**, sinh ngày 09/9/1985 tại P, Bình Định; nơi cư trú: Thôn 05, xã N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông C1 (đã chết) và bà C2; chồng là C3 và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: Ngày 04/5/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Định xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Đã chấp hành xong bản án vào ngày 12/02/2018; bị tạm giữ từ ngày 05/9/2020 đến 11/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 21/11/1981 tại A, Gia Lai; nơi cư trú: Thôn 01, xã N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông H1 và bà H2 (đều đã chết); chồng là H3 có 03 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 05/9/2020 đến 11/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1982 tại A, Gia Lai; nơi cư trú: Thôn 02, xã N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông T1 (đã chết) và bà T2; vợ là T3 và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 05/9/2020 đến 11/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt.

5. **Võ Thành M**, sinh ngày 17/11/1985 tại A, Gia Lai; nơi cư trú: Thôn 02, xã N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông NLC1 và bà M1; vợ là M2 và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 05/9/2020 đến 11/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt.

6. **Nguyễn Thị Q**, sinh ngày 03/3/1969 tại A, Gia Lai; nơi cư trú: Thôn 01, xã N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Q1 và bà Q2 (đều đã chết); chồng là Q3 có 04 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 05/9/2020 đến 11/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt.

7. **Phan Thị Y**, sinh ngày 20/6/1967 tại A, Gia Lai; nơi cư trú: Thôn 02, xã N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y1 và bà Y2; chồng là Y3 (đã chết) có 04 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 05/9/2020 đến 11/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt.

8. **Ngô Thị O**, sinh năm 1975 tại V, Bình Định; nơi cư trú: Thôn 01, xã N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Nội trợ; văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông O1 (đã chết) và bà O2; chồng là O3 (đã chết) có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: Ngày 02/8/2019 bị Công an thị xã A xử phạt hành chính 1.500.000đ (phạt bổ sung số tiền 60.000đ) về hành vi đánh bạc trái phép. Đã thi hành xong; bị tạm giữ từ ngày 05/9/2020 đến 11/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt.

9. **Võ Thị K**, sinh năm 1982 tại A, Gia Lai; nơi cư trú: Thôn 02, xã N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông NLC1 và bà K2; chồng là NLC2 có 03 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 05/9/2020 đến 11/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt.

** Người làm chứng:*

1. NLC1, sinh năm 1951; nơi cư trú: Thôn 02, xã N, thị xã A, tỉnh Gia Lai.
2. NLC2, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn 02, xã N, thị xã A, tỉnh Gia Lai.
3. NLC3, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn 2, xã N, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 23 giờ ngày 04/9/2020, tại nhà Võ Thị K (thuộc Thôn 2, xã Thành An, thị xã A, tỉnh Gia Lai), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công An thị xã A bắt quả tang Huỳnh Thị L, Phan Thị Y, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Văn T, Võ Thành M, Ngô Thị O đang đánh bài sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức Xì lát. Và Võ Thị K đang thu tiền xâu của những người đánh bạc; tang vật thu giữ gồm có: Tại chỗ ngồi của các con bạc số tiền 5.690.000đ; tiền xâu 170.000đ; tiền để dưới Chiếu bạc 2.910.000đ; 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ bài có 52 quân bài đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc chiếu nhựa màu xanh có chữ “CHIẾU NHỰA PHƯƠNG HOA”, kích thước (1,4x2)m; 01 (một) Chiếc đĩa sứ màu xanh đường kính 12cm.

Quá trình điều tra xác định:

Các bị cáo Huỳnh Thị L, Phan Thị Y, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Văn T, Võ Thành M, Ngô Thị O đều là những người dân ở gần nhà nên thường xuyên qua lại với nhau. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 04/9/2020, L, Q, H, C cùng đến nhà K chơi. Lúc này K đi làm, chỉ có con nhỏ của K ở nhà. Thấy trong phòng khách của nhà K có Chiếu đã được trải sẵn dưới nền nhà; trên tủ đặt trong phòng khách có 02 bộ bài tú lơ khơ và Chiếc đĩa sứ nên L rủ H, C, Q đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền thì tất cả đồng ý. H lấy 02 bộ bài, L lấy đĩa sứ từ trên tủ xuống Chiếu để đánh bạc.

Khi ngồi xuống Chiếu, tất cả thống nhất đánh bài dưới hình thức Xì lát được thua bằng tiền, dùng bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài để đánh. Các con bạc quy định mỗi người cầm cái 03 ván xoay vòng, số tiền cược mỗi ván mức thấp nhất là 10.000đ, mức cao nhất là 40.000đ; tiền đánh bạc phải để trước mặt người chơi. Mỗi ván bạc người cầm cái sẽ phát cho mỗi người chơi 02 quân bài, số bài còn lại bỏ trên đĩa sứ; điểm thấp nhất là 16 và cao nhất là 21; nếu không đủ điểm quy định thì người chơi sẽ rút thêm từng quân bài nhưng không được vượt quá tổng số 05 quân bài/01 ván; nếu người chơi có 05 quân bài có số điểm không quá 21 điểm thì được gọi là ngũ linh; nếu ai có 01 quân A (tức là quân xì) đi kèm với 01 trong các quân bài 10, J, Q, K thì gọi là xì lát; nếu có 02 quân bài A thì gọi là xì hoàng; nếu số điểm vượt quá 21 thì bài bị oát. Thứ tự cách tính điểm thắng thua từ cao đến thấp là: Xì hoàng, xì lát, ngũ linh và điểm số bài từ 21 đến 16, rồi thấp nhất là oát. Người cầm cái có Q lật bài của bất kỳ ai tham gia đánh bạc và so điểm phân định thắng thua. Nếu người cầm cái thắng xì lát hoặc xì hoàng thì trích ra 10.000đ đưa cho Võ Thị K thu tiền xâu.

Khoảng 16 giờ 30 phút, khi C, L, Q, H đang đánh bạc thì Võ Thị K đi làm về và đồng ý thu tiền xâu của những người đánh bạc.

Khoảng 17 giờ 30 phút, Phan Thị Y đến nhà K chơi, thấy có đánh bạc thì Y vào tham gia sát phạt.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, lần lượt Nguyễn Văn T, Võ Thành M và Ngô Thị O đến nhà K chơi, thấy C, L, Q, H, Y đánh bạc thì Tuấn, Lạc, Ánh tự ngồi vào cùng tham gia.

Khi tham gia đánh bạc, các con bạc có số tiền cụ thể như sau:

Huỳnh Thị L có 460.000đ và dùng hết vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, L cầm cái và thắng xì lát 03 ván, trích ra đưa cho K số tiền 30.000đ. Khi bị bắt, L có số tiền trên Chiếu bạc là 750.000đ. Vậy, L thắng số tiền 320.000đ.

Nguyễn Thị H có 300.000đ và dùng hết vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, H cầm cái và thắng xì lát 02 ván, trích ra đưa cho K số tiền 20.000đ. Khi bị bắt, H có số tiền trên Chiếu bạc là 40.000đ. Vậy, H thua số tiền 240.000đ.

Nguyễn Thị C có 1.410.000đ và dùng hết vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, C cầm cái và thắng xì lát 01 ván, trích ra đưa cho K số tiền 10.000đ. Khi bị bắt, C có số tiền trên Chiếu bạc là 1.210.000đ. Vậy, C thua số tiền 190.000đ.

Nguyễn Thị Q có 300.000đ và dùng hết vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Q cầm cái và thắng xì lát 03 ván, trích ra đưa cho K số tiền 30.000đ. Khi bị bắt, Q có số tiền trên Chiếu bạc là 370.000đ. Vậy, Q thắng số tiền 100.000đ.

Phan Thị Y có 200.000đ và dùng hết vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Y cầm cái và thắng xì lát 02 ván, trích ra đưa cho K số tiền 20.000đ. Khi bị bắt, Y có số tiền trên Chiếu bạc là 110.000đ. Vậy, Y thua số tiền 70.000đ.

Nguyễn Văn T có 2.200.000đ và dùng hết vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T cầm cái và thắng xì lát 02 ván, trích ra đưa cho K số tiền 20.000đ. Khi bị bắt, T có số tiền trên Chiếu bạc là 2.160.000đ. Vậy, T thua số tiền 20.000đ.

Võ Thành M có 820.000đ và dùng hết vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Lạc cầm cái và thắng xì lát 02 ván, trích ra đưa cho K số tiền 20.000đ. Khi bị bắt, Lạc có số tiền trên Chiếu bạc là 650.000đ. Vậy, Lạc thua số tiền 150.000đ.

Ngô Thị O có 170.000đ và dùng hết vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, O cầm cái và thắng xì lát 02 ván, trích ra đưa cho K số tiền 20.000đ. Khi bị bắt, O có số tiền trên Chiếu bạc là 400.000đ. Vậy, O thắng số tiền 250.000đ.

Như vậy, tổng số tiền các con bạc dùng vào việc đánh bạc là **5.860.000đ** (Năm triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A thu giữ số tiền 2.910.000đ của Võ Thị K không sử dụng vào việc đánh bạc.

Về vật chứng chưa xử lý: Ngày 16/11/2020, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A ra Quyết định chuyển vật chứng số 26/QĐ-VKS yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A chuyển các vật chứng nêu trên đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A bảo quản chờ xét xử.

Tại Bản cáo trạng số: 37CT-VKS ngày 16/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố các bị cáo Huỳnh Thị L, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T, Võ Thành M, Nguyễn Thị Q, Phan Thị Y, Ngô Thị O và Võ Thị K về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Huỳnh Thị L, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T, Võ Thành M, Nguyễn Thị Q, Phan Thị Y, Ngô Thị O và Võ Thị K phạm tội “Đánh bạc”;

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Huỳnh Thị L, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T, Võ Thành M, Nguyễn Thị Q, Phan Thị Y, Ngô Thị O và Võ Thị K; đề nghị áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Huỳnh Thị L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T, Võ Thành M, Nguyễn Thị Q, Phan Thị Y, Ngô Thị O và Võ Thị K.

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị L, Nguyễn Thị C mỗi bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T, Võ Thành M và Ngô Thị O mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Q, Phan Thị Y và Võ Thị K mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ từ 5-10% thu nhập của các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ bài có 52 quân bài đã qua sử dụng; 01 (một) Chiếc đĩa sứ màu xanh đường kính 12cm; 01 (một) chiếc chiếu nhựa màu xanh có chữ “CHIẾU NHỰA PHƯƠNG HOA”, kích thước (1,4x2)m;

Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.680.000đ; đối với số tiền 2.910.000đ của bị cáo Võ Thị K không sử dụng vào việc đánh bạc đề nghị trả lại cho bị cáo.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án do đó đã có đủ cơ sở xác định: Mặc dù nhận thức được việc đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 04/9/2020, tại nhà bị cáo Võ Thị K thuộc Thôn 2, xã N, thị xã A, tỉnh Gia Lai các bị cáo Huỳnh Thị L, Phan Thị Y, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Văn T, Võ Thành M, Ngô Thị O tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh Xì lát được thua bằng tiền. Bị cáo Võ Thị

K mặc dù không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng đã đồng ý để cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà mình và thu tiền xâu được 170.000đ, đến 23 giờ thì bị Công an thị xã A bắt quả tang thu tiền và các vật chứng có liên quan đến việc đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là **5.860.000đ** (Năm triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng). Vì vậy, đã đủ cơ sở tuyên bố các bị cáo Huỳnh Thị L, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T, Võ Thành M, Nguyễn Thị Q, Phan Thị Y, Ngô Thị O và Võ Thị K phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự 2015.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vì vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo. Đối với các Huỳnh Thị L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T, Võ Thành M, Nguyễn Thị Q, Phan Thị Y, Ngô Thị O và Võ Thị K phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Việc quyết định hình phạt đối với các bị cáo: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo nên không phải là trường hợp phạm tội có tổ chức, số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc không lớn, chỉ có 5.860.000đ vừa trên mức khởi điểm theo quy định tại khoản 1 Điều 231 BLHS. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo thì thấy rằng: Các bị cáo đều là dân lao động ở nông thôn với nghề nghiệp chủ yếu làm nông, nhưng không sử dụng thời gian nhàn rỗi làm những việc có ích mà tụ tập lại rủ rê nhằm đánh bạc ăn tiền. Trong vụ án này Huỳnh Thị L là bị cáo chính vì L là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác thực hiện tội phạm và trực tiếp tham gia đánh bạc do đó cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Thị C, Ngô Thị O đều có nhân thân xấu nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội giữ vai trò đồng phạm tích cực. Do đó cần xử phạt các bị cáo này một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tiếp đến là bị cáo Nguyễn Văn T, tuy tham gia đánh bạc sau nhưng số tiền dùng để đánh bạc nhiều nhất (2.200.000đ) nên cũng cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo; cùng với Tuấn là bị cáo Võ Thị K, tuy bị cáo không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng bị cáo đã thu tiền xâu khi nghe các bị cáo khác đặt vấn đề đưa tiền xâu thì bị cáo không can ngăn mà đồng ý nhận tiền xâu nên bị cáo đồng phạm với vai trò giúp sức, cùng với mức với bị cáo K và Tuấn là bị cáo Võ Thành M, khi thấy các bị cáo khác đánh bài nhà chị ruột của mình không can ngăn mà còn vào tham gia đánh bạc nên cũng phải chịu hình phạt như bị cáo Tuấn, bị cáo K. Vai trò cuối cùng lần lượt thuộc về các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Q, Phan Thị Y.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy không cần thiết cách ly các

bị cáo ra ngoài xã hội mà áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bằng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo, đồng thời áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS phạt bổ sung các bị cáo bằng hình phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe.

[6] Đối với anh NLC2 là chồng của bị cáo Võ Thị K, không biết bị cáo K dùng nhà, các vật dụng trong gia đình cho các bị cáo khác tham gia đánh bạc rồi thu tiền xâu và không được hưởng lợi từ việc các bị cáo đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với: 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ bài có 52 quân bài đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc chiếu nhựa màu xanh có chữ “CHIẾU NHỰA PHƯƠNG HOA”, kích thước (1,4x2)m; 01 (một) Chiếc đĩa sứ màu xanh đường kính 12cm là công cụ phương tiện phạm tội và không có giá trị sử dụng, xét tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 5.860.000đ là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 2.910.000đ là tiền của bị cáo Võ Thị K, số tiền này bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội không bị tịch thu nhưng cần giữ lại để đảm bảo thi hành hình phạt bổ sung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo để sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 299; khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; Điều 36; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Huỳnh Thị L, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T, Võ Thành M, Nguyễn Thị Q, Phan Thị Y, Ngô Thị O và Võ Thị K; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Huỳnh Thị L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T, Võ Thành M, Nguyễn Thị Q, Phan Thị Y, Ngô Thị O và Võ Thị K.

Tuyên bố các bị cáo của Huỳnh Thị L, Nguyễn Thị C, Ngô Thị O, Nguyễn Văn T, Võ Thành M, Võ Thị K, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Q và Phan Thị Y phạm tội “Đánh bạc”;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị L 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 07 (bảy) ngày bị tạm giữ bằng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 07 (bảy) ngày bị tạm giữ bằng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị O 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 07 (bảy) ngày bị tạm giữ bằng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Võ Thành M 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 07 (bảy) ngày bị tạm giữ bằng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 07 (bảy) ngày bị tạm giữ bằng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Võ Thị K 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 07 (bảy) ngày bị tạm giữ bằng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 07 (bảy) ngày bị tạm giữ bằng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Q 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 07 (bảy) ngày bị tạm giữ bằng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Y 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 07 (bảy) ngày bị tạm giữ bằng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức

được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Huỳnh Thị L, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T, Võ Thành M, Nguyễn Thị Q, Phan Thị Y, Ngô Thị O và Võ Thị K cho Ủy ban nhân dân xã N, thị xã A, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp bị cáo Huỳnh Thị L, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T, Võ Thành M, Nguyễn Thị Q, Phan Thị Y, Ngô Thị O và Võ Thị K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Khấu trừ 05% (Năm phần trăm) thu nhập của các bị cáo Huỳnh Thị L, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T, Võ Thành M, Nguyễn Thị Q, Phan Thị Y, Ngô Thị O và Võ Thị K trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách nhà nước.

Về hình phạt bổ sung:

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị L 12.000.000đ (*mười hai triệu đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C, Ngô Thị O và Võ Thị K mỗi bị cáo 11.000.000đ (*mười một triệu đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Q, Phan Thị Y, Nguyễn Văn T, Võ Thành M mỗi bị cáo 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ bài có 52 quân bài đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc chiếu nhựa màu xanh có chữ “CHIẾU NHỰA PHƯƠNG HOA”, kích thước (1,4x2)m; 01 (một) Chiếc đĩa sứ màu xanh đường kính 12cm.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: Số tiền 5.860.000đ (*năm triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Trả lại cho bị cáo Võ Thị K số tiền 2.910.000đ (*hai triệu, chín trăm mười nghìn đồng*) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án về phần hình phạt bổ sung.

(*Đặc điểm, tình trạng vật chứng cụ thể như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 19/11/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A*).

Về án phí: Buộc các bị cáo Huỳnh Thị L, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T, Võ Thành M, Nguyễn Thị Q, Phan Thị Y, Ngô Thị O và Võ Thị K mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (31/12/2020) bị cáo có Q kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Long Sơn